Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3306.90.00

Mã HS	3306.90.00
Mô tả hàng hóa	Chế phẩm dùng cho vệ sinh răng hoặc miệng, kể cả bột và bột nhão làm chặt chân răng; chỉ tơ nha khoa làm sạch kẽ răng (dental floss), đã đóng gói để bán lẻ / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 01:29:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/33069000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4978
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4978
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4978
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4872
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4833
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4833
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4833
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4833
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4833
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4833
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E4877
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4877

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4877
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4877
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4877
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4877
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4875
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4875
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4875
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4875
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4875
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4875
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4875
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4839
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4835
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4835
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4835
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4835
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4835
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4835
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4844
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4844
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4844
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4844
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4844
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4844
VCFTA	2022	2022	5	VC!D4882
VCFTA	2023	2023	2	VC!E4882

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4882
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4882
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4882
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4882
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4879
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4879
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4879
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4879
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4879
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4879
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D4887
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E4887
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F4887
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G4887
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H4887
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4887
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D4858
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E4858
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F4858
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G4858
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H4858
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4858
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D4860
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E4860
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F4860
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G4860

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H4860
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4860
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4858
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4858
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4858
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4858
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4858
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4858
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4858
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4879
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4879
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4879
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4879
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4879
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4879
RCEP B	2022	2022	0	B!D4879
RCEP B	2023	2023	0	B!E4879
RCEP B	2024	2024	0	B!F4879
RCEP B	2025	2025	0	B!G4879
RCEP B	2026	2026	0	B!H4879
RCEP B	2027	2027	0	B!I4879
RCEP C	2022	2022	0	C!D4879
RCEP C	2023	2023	0	C!E4879
RCEP C	2024	2024	0	C!F4879
RCEP C	2025	2025	0	C!G4879
RCEP C	2026	2026	0	C!H4879

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4879
RCEP D	2022	2022	0	D!D4879
RCEP D	2023	2023	0	D!E4879
RCEP D	2024	2024	0	D!F4879
RCEP D	2025	2025	0	D!G4879
RCEP D	2026	2026	0	D!H4879
RCEP D	2027	2027	0	D!I4879
RCEP E	2022	2022	0	E!D4882
RCEP E	2023	2023	0	E!E4882
RCEP E	2024	2024	0	E!F4882
RCEP E	2025	2025	0	E!G4882
RCEP E	2026	2026	0	E!H4882
RCEP E	2027	2027	0	E!I4882
RCEP F	2022	2022	0	F!D4879
RCEP F	2023	2023	0	F!E4879
RCEP F	2024	2024	0	F!F4879
RCEP F	2025	2025	0	F!G4879
RCEP F	2026	2026	0	F!H4879
RCEP F	2027	2027	0	F!I4879
VIFTA	2024	2024	18	VI!F4496
VIFTA	2025	2025	16	VI!G4496
VIFTA	2026	2026	14	VI!H4496
VIFTA	2027	2027	12	VI!I4496

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3306.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 3306.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4978), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.